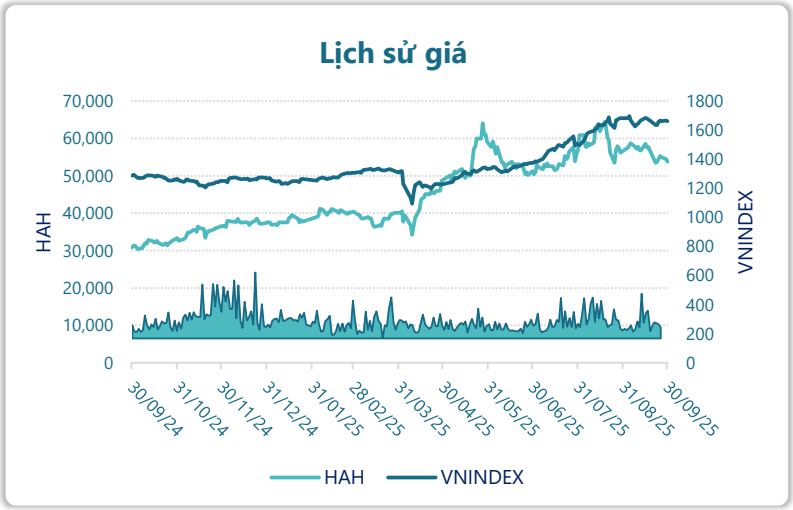
FireAnt

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**53,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	64,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,402
SL cổ phiếu LH	168,861,212
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,118,710
% sở hữu nước ngoài	8.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,085
P/E	7.7
EPS	6,983

DT thuần

Q3/25

1,348

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.0| 5.7%

YoY: ▲ 219| 19.4%

LN sau thuế

Q3/25

353

tỷ VNĐ

QoQ: ▼61.0| -14.7%

YoY: ▲ 76.0| 27.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

34.5%

+/- YoY: ▲ 3.6%

DT thuần

9T 2025

3,791

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,010| 36.3%

LN sau thuế

9T 2025

1,041

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 589| 130%

ROE

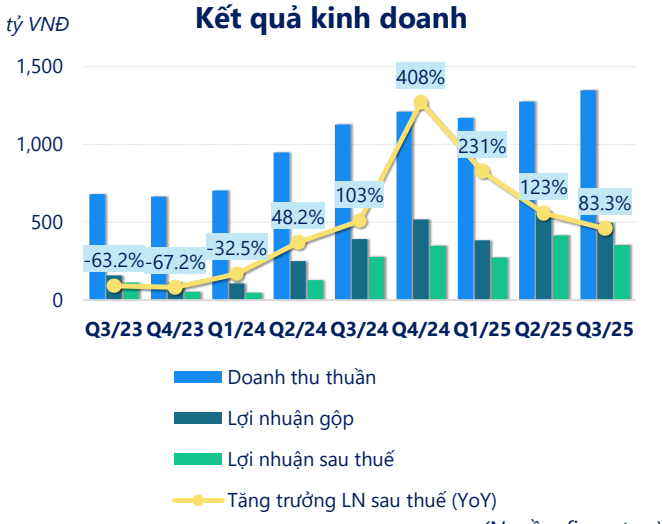
Q3/25

27.2%

+/- YoY: ▲ 14.4%

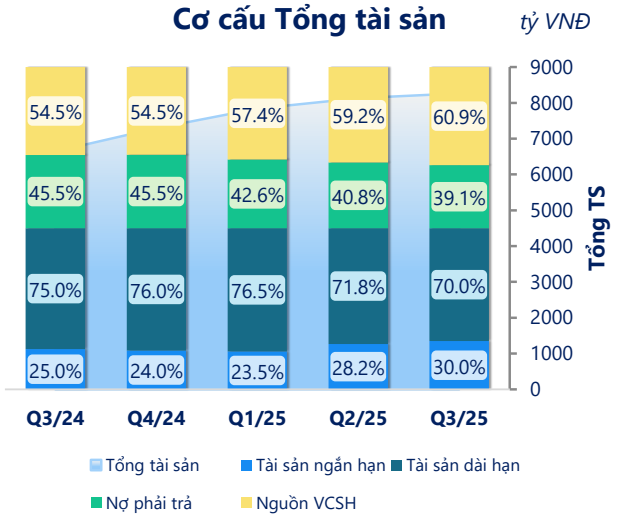
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



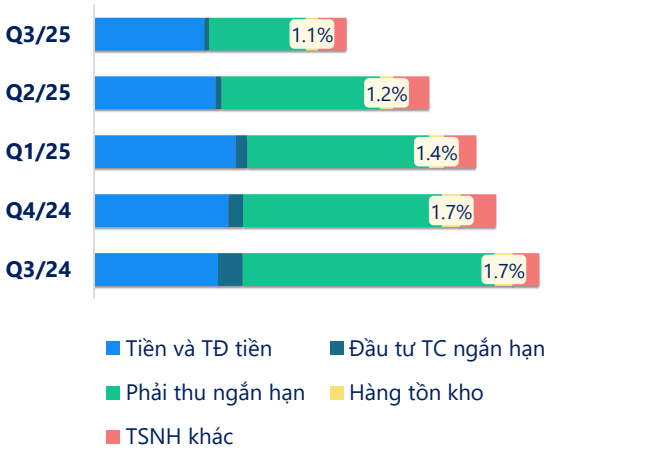
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



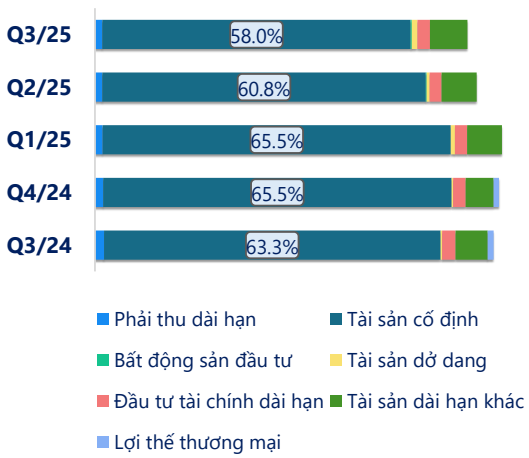
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



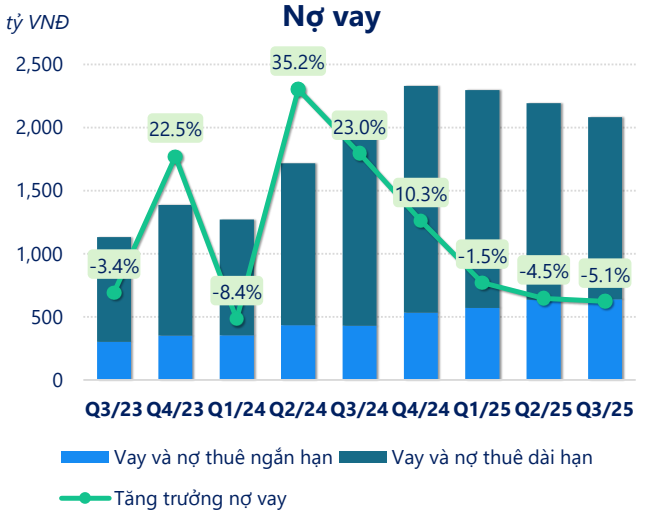
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



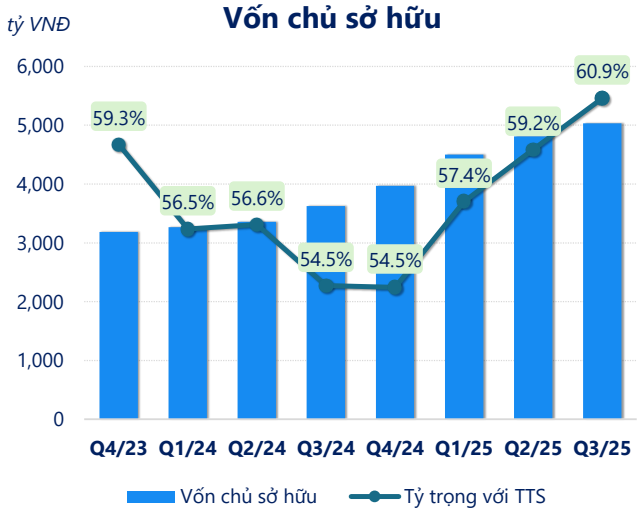
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



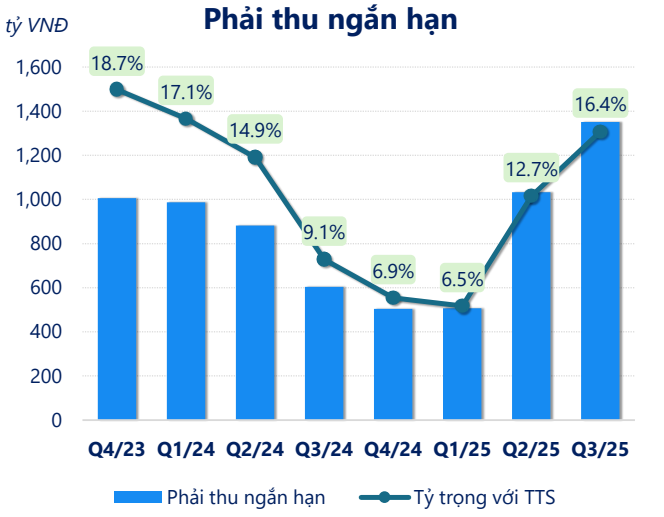
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



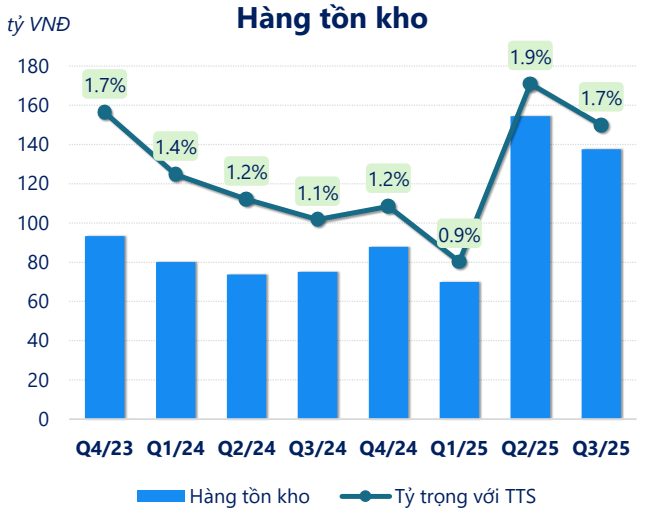
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



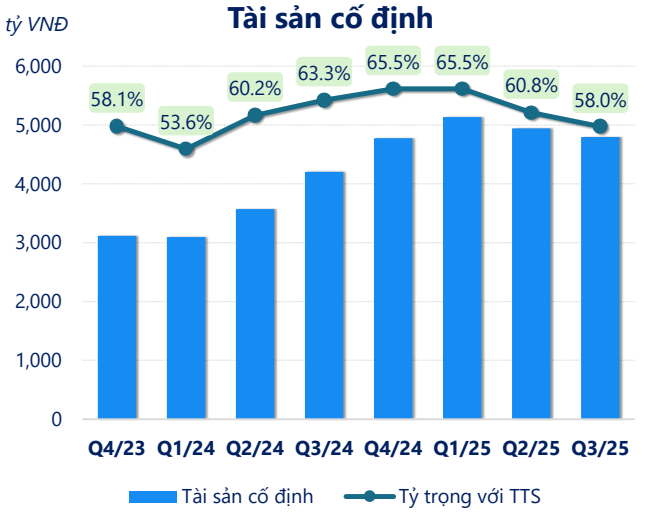
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



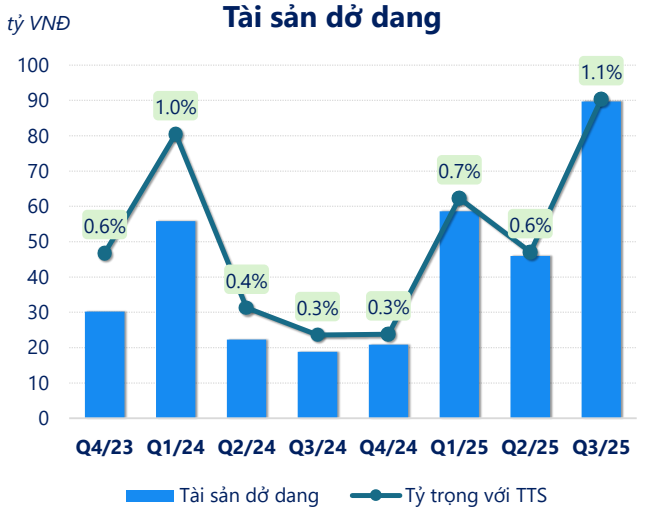
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



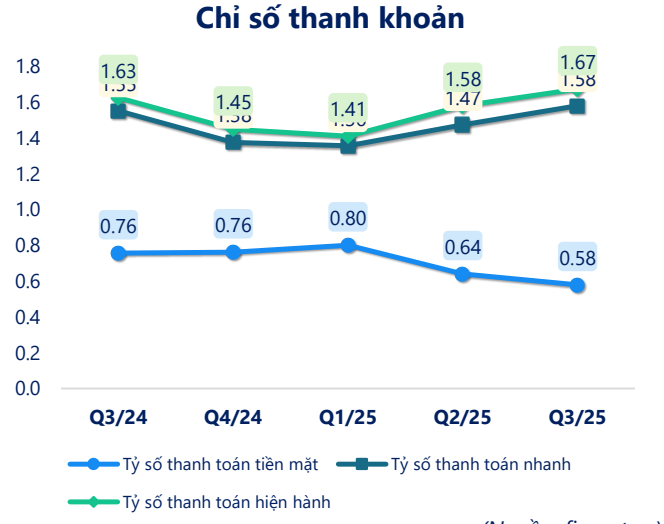
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



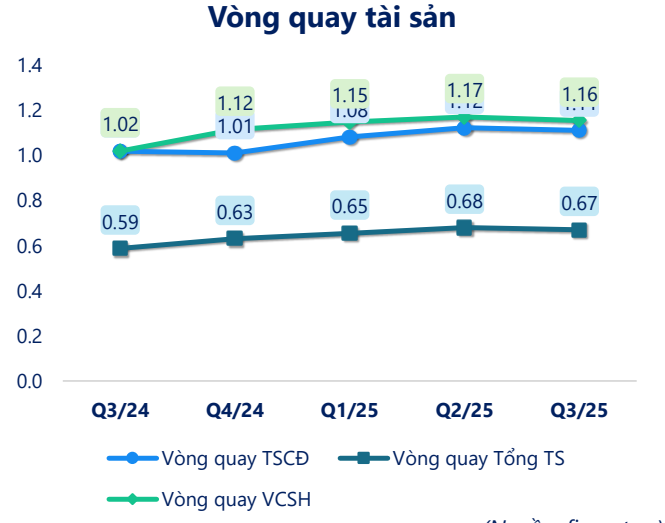
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**6,644**	**7,290**	**7,839**	**8,129**	**8,265**
Tài sản ngắn hạn	**1,664**	**1,753**	**1,841**	**2,293**	**2,475**
Tiền và tương đương tiền	775	922	1,045	929	857
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.5	70.5	70.5	75.5	37.5
Phải thu ngắn hạn	604	504	507	1,032	1,352
Hàng tồn kho	75.1	87.8	69.9	154	138
Tài sản ngắn hạn khác	179	168	148	102	91.9
Tài sản dài hạn	**4,980**	**5,537**	**5,998**	**5,836**	**5,790**
Phải thu dài hạn	113	113	113	113	113
Tài sản cố định	4,205	4,775	5,134	4,943	4,795
Bất động sản đầu tư	0	0	0	15.4	14.9
Tài sản dở dang	18.8	20.8	58.6	45.9	89.7
Đầu tư tài chính dài hạn	167	174	179	183	192
Tài sản dài hạn khác	402	382	513	536	585
Lợi thế thương mại	74.3	72.3	0	0	0
Nợ phải trả	**3,020**	**3,318**	**3,339**	**3,319**	**3,230**
Nợ ngắn hạn	**1,024**	**1,210**	**1,305**	**1,451**	**1,479**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	430	532	572	635	640
Phải trả người bán ngắn hạn	196	206	200	252	245
Nợ dài hạn	1,996	2,108	2,034	1,868	1,751
Vay và nợ thuê dài hạn	1,684	1,798	1,724	1,559	1,442
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,624**	**3,972**	**4,500**	**4,810**	**5,035**
Vốn chủ sở hữu	**3,624**	**3,972**	**4,500**	**4,810**	**5,035**
Vốn điều lệ	1,213	1,213	1,299	1,299	1,689
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)